

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế Hà Nội tại Công văn số 9908/SYT-VP ngày 26/9/2026 về việc đề nghị ban hành Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội theo Luật Thủ đô.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này **02** thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo Luật Thủ đô.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với sở ngành, cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính gửi Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1077/QĐ-TTPVHCC ngày 07/8/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.

Điều 4. Sở Y tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội; các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận: ¹

- Như Điều 4;
 - Bộ Y tế;
 - Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực: TU, HĐND Thành phố;
 - Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
 - Cổng Thông tin điện tử Thành phố;
 - TT PVHCC: Giám đốc, Phó Giám đốc, các phòng, đơn vị, CN thuộc TT;
 - Lưu: VT, KSTTHC.
- } (để báo cáo)

GIÁM ĐỐC



Phan Văn Phúc

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO LUẬT THỦ ĐÔ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày 01 tháng 10 năm 2026 của
Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam	- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Y tế phải trình Chủ tịch UBND Thành phố có văn bản trả lời về việc thừa nhận hoặc không thừa nhận giấy phép hành nghề; - Trường hợp cần xác minh đối với việc đào tạo ở nước ngoài của người hành nghề thì thời hạn thừa nhận là 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; - Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia; - Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Thông tư số 23/2024/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 18/10/2024 ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp đề cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam.
2	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt	Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Y tế tổ chức thẩm định tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định, biên bản thẩm định phải nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc cơ sở y tế đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung: - Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã có hợp tác chuyên môn với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác đã thực hiện danh mục kỹ thuật loại đặc biệt đề xuất thì không phải thực hiện thí điểm: trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Y tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Phí (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC): - Bệnh viện: 10.500.000 đồng/hồ sơ - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa,	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; - Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia; - Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Hà Nội ban hành văn bản cho phép thực hiện danh mục kỹ thuật đặc biệt. - Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chưa có hợp đồng hợp tác chuyên gia hoặc hợp đồng hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác đã thực hiện danh mục kỹ thuật loại đặc biệt đề xuất, Sở Y tế sẽ tổ chức họp Tổ Chuyên môn và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định việc thực hiện thí điểm hay không thí điểm: + Trường hợp không phải thực hiện thí điểm: trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Y tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành văn bản cho phép thực hiện danh mục kỹ thuật đặc biệt. + Trường hợp phải thực hiện thí điểm Sau khi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã kết thúc triển khai thí điểm kỹ thuật loại đặc biệt phải gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện thí điểm trong đó đề xuất việc triển khai chính thức kỹ thuật loại đặc biệt kèm theo quy		Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 23/2024/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 18/10/2024 ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; - Thông tư số 50/2014/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 26/12/2014 quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật; - Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trình thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt về Sở Y tế. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Y tế tổ chức thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất; Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật, Sở Y tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được triển khai áp dụng chính thức kỹ thuật loại đặc biệt. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.			

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục Thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam

1.1. Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị xem xét thừa nhận giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 37, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo 1 trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến, qua bưu chính. Sau khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ cho người đề nghị.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho Sở Y tế để tổ chức thẩm định.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Y tế trình Chủ tịch UBND Thành phố có văn bản trả lời về việc thừa nhận hoặc không thừa nhận giấy phép hành nghề.

- Trường hợp cần xác minh đối với việc đào tạo ở nước ngoài của người hành nghề thì thời hạn thừa nhận là 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố;

- Qua dịch vụ bưu chính;

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

(<https://dichvucong.gov.vn/>)

1.3 Đối tượng thực hiện:

a) Người Việt Nam được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp giấy phép hành nghề.

b) Người nước ngoài đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp giấy phép hành nghề đang làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam, không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

c) Người nước ngoài được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp giấy phép hành nghề mà giấy phép hành nghề còn hiệu lực, đã được cấp giấy phép lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.4 Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị thừa nhận giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp.

1.5. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Y tế trình Chủ tịch UBND Thành phố có văn bản trả lời về việc thừa nhận hoặc không thừa nhận giấy phép hành nghề.

- Trường hợp cần xác minh đối với việc đào tạo ở nước ngoài của người hành nghề thì thời hạn thừa nhận là 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

1.6. Cơ quan giải quyết: Sở Y tế thành phố Hà Nội thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội xem xét, quyết định.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản thừa nhận Giấy phép hành nghề

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định

1.9. Mẫu đơn, tờ khai (nếu có): Đơn đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh/Thừa nhận giấy phép hành nghề theo Mẫu số 8 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp được xem xét thừa nhận khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Được thừa nhận theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là bên ký kết; giấy phép hành nghề được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài mà cơ quan, tổ chức đó được Bộ Y tế đánh giá để thừa nhận theo quy định;

- Còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị thừa nhận;

- Có thông tin về chức danh chuyên môn và chức danh đó phải tương đương với một trong các chức danh chuyên môn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 26 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

- Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

- Thông tư số 23/2024/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 18/10/2024 ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

- Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị xem xét thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam.

Mẫu 08 - Đơn đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh chữa bệnh/Thừa nhận giấy phép hành nghề

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh/
Thừa nhận giấy phép hành nghề

Kính gửi:.....².....

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Địa chỉ cư trú:

Số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân/số căn cước/số định danh cá nhân/số hộ chiếu³:

Ngày cấp Nơi cấp:.....

Điện thoại: Email (nếu có):.....

Là người đang làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh⁴:

Văn bằng chuyên môn:⁵

Chức danh đề nghị cấp: ⁶

Trường hợp đề nghị cấp: ⁷

Phạm vi hành nghề đề nghị cấp:

Số giấy phép hành nghề đã được cấp (nếu có):

Hồ sơ đề nghị⁷..... gồm các giấy tờ sau⁸:

(1)

(2)

(3)

Tôi xin cam đoan những thông tin kê khai ở trên là của tôi và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung kê khai cũng như các giấy tờ trong bộ hồ sơ này. Kính đề nghị quý cơ quan xem xét và cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho tôi.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Địa danh.

² Tên cơ quan cấp giấy phép hành nghề.

³ Ghi một trong năm thông tin về số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân/số căn cước/số định danh cá nhân/số hộ chiếu còn hạn sử dụng.

⁴ Ghi đúng tên trên giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang làm việc, trường hợp không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào ghi “Đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.

⁵ Ghi theo văn bằng cơ sở đào tạo đã được cấp.

⁶ Ghi theo một trong các chức danh chuyên môn quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

⁷ Trường hợp đề nghị cấp: ghi rõ cấp mới, cấp lại, cấp gia hạn, cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề với từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Nghị định số...../2023/NĐ-CP.

⁸ Phải liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số/2023/NĐ-CP.

Ghi chú: Trường hợp thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử, người thực hiện thủ tục hành chính chỉ cần kê khai các thông tin: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân/số căn cước công dân ... Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính bằng hồ sơ giấy người hành nghề cần kê khai đầy đủ các thông tin hành chính trong đơn.

2. Thủ tục Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt

2.1. Trình tự thực hiện:

2.1.1. Công dân, tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.1.2. Công dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo 1 trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính. Sau khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ cho cơ sở đề nghị.

2.1.3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho Sở Y tế để tổ chức thẩm định.

2.1.4. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Y tế phải có văn bản gửi cơ sở đề nghị, trong đó phải nêu cụ thể các tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Sở Y tế có văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung, cơ sở đề nghị phải nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, cơ sở đề nghị không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

2.1.5. Sau khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, Sở Y tế trả cho cơ sở đề nghị phiếu tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung:

a) Trường hợp hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Y tế phải có văn bản gửi cơ sở đề nghị, trong đó phải nêu cụ thể các tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Sở Y tế có văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung, cơ sở đề nghị phải nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu.

Sau thời hạn trên, cơ sở đề nghị không sửa đổi, bổ sung hoặc sau 12 tháng, kể từ ngày nộp hồ sơ lần đầu mà hồ sơ bổ sung không đáp ứng yêu cầu thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

b) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc hồ sơ đã được hoàn thiện, Sở Y tế sẽ đánh giá và tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở trong trường hợp cần thiết.

2.1.6. Trường hợp điều chỉnh Giấy phép hoạt động mà không phải tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở, Sở Y tế kiểm tra đánh giá mức độ, khả năng thực hiện các kỹ thuật loại đặc biệt của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Quyết định việc thực hiện thí điểm hay không thí điểm.

a) Trường hợp không phải thực hiện thí điểm: Sở Y tế trình Chủ tịch UBND Thành phố ban hành văn bản cho phép thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật đặc biệt trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ.

b) Trường hợp phải thực hiện thí điểm:

- Sau khi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã kết thúc triển khai thí điểm kỹ thuật loại đặc biệt phải gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện thí điểm trong đó đề xuất việc triển khai chính thức kỹ thuật loại đặc biệt kèm theo quy trình thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt về Sở Y tế.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Y tế tổ chức thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật, Sở Y tế ban hành văn bản quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được triển khai áp dụng chính thức kỹ thuật loại đặc biệt. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.1.7. Trường hợp cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm phê duyệt danh mục kỹ thuật loại đặc biệt) hoặc thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật (bao gồm cả danh mục kỹ thuật loại đặc biệt) mà phải tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở:

a) Sở Y tế tổ chức thẩm định tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, biên bản thẩm định phải nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung:

- Sở Y tế ban hành văn bản thông báo về các nội dung cần khắc phục, sửa chữa trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định.

- Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Sở Y tế có văn bản thông báo về các nội dung cần sửa đổi, bổ sung mà cơ sở đề nghị không hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung của cơ sở đề nghị, Sở Y tế có thể tiến hành kiểm tra thực tế việc sửa đổi, bổ sung của cơ sở đề nghị (nếu cần) và có văn bản trả lời, nêu rõ lý do không cho phép áp dụng danh mục kỹ thuật đặc biệt nếu cơ sở đề nghị không hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung hoặc kết quả kiểm tra thực tế không đạt yêu cầu.

c) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc cơ sở y tế đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, Sở Y tế Quyết định việc thực hiện thí điểm hay không thí điểm:

- Trường hợp không phải thực hiện thí điểm: Sở Y tế ban hành văn bản cho phép thực hiện danh mục kỹ thuật đặc biệt.

- Trường hợp phải thực hiện thí điểm: thực hiện theo quy định tại điểm b, Khoản 6, Phụ lục của Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND.

2.1.8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cho phép áp dụng danh mục kỹ thuật đặc biệt, Sở Y tế công bố, cập nhật trên cổng thông tin điện tử hoặc trang tin điện tử của mình và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh các thông tin liên quan đến nội dung điều chỉnh.

2.1.9. Văn bản cho phép áp dụng danh mục kỹ thuật đặc biệt được lập thành 02 bản: 01 bản cấp cho cơ sở đề nghị và 01 bản lưu tại Sở Y tế trừ trường hợp đã trả kết quả trên môi trường điện tử.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố;

- Qua dịch vụ bưu chính;

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

(<https://dichvucong.gov.vn/>)

2.3 Đối tượng thực hiện:

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn (bao gồm các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trực thuộc Sở Y tế; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội; trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.4 Thành phần hồ sơ

2.4.1. Trường hợp 1: Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hoạt động đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 59 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (bao gồm phê duyệt danh mục kỹ thuật loại đặc biệt):

- Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;

- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;

- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (không áp dụng đối với trường hợp các giấy tờ này đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế);

- Bản kê khai cơ sở vật chất, danh mục thiết bị y tế, danh sách nhân sự đáp ứng điều kiện cấp giấy phép hoạt động tương ứng với từng hình thức tổ

chức theo Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và các giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai đó;

- Danh sách ghi rõ họ tên, số giấy phép hành nghề của từng người hành nghề đăng ký hành nghề tại cơ sở đó theo Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;

- Văn bản do cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của bệnh viện của nhà nước hoặc điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện tư nhân theo Mẫu 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;

- Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

- Trường hợp đề nghị cấp lần đầu giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không vì mục đích lợi nhuận thì phải có tài liệu chứng minh nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo hoặc hoạt động khám bệnh, chữa bệnh không vì mục đích lợi nhuận.

2.4.2. Trường hợp 2: Hồ sơ Thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật (bao gồm cả danh mục kỹ thuật loại đặc biệt):

- Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;

- Bản sao giấy phép hoạt động;

- Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và hồ sơ nhân sự tương ứng với quy mô hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc danh mục kỹ thuật dự kiến thay đổi và các tài liệu minh chứng đáp ứng việc thay đổi.

2.5. Thời hạn giải quyết

2.5.1. Trường hợp 1: Trường hợp cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm phê duyệt danh mục kỹ thuật loại đặc biệt) hoặc thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật (bao gồm cả danh mục kỹ thuật loại đặc biệt) mà phải tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở:

a) Sở Y tế tổ chức thẩm định tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, biên bản thẩm định phải nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung:

- Sở Y tế trình Chủ tịch UBND Thành phố ban hành văn bản thông báo về các nội dung cần khắc phục, sửa chữa trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định.

- Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Sở Y tế trình Chủ tịch UBND Thành phố có văn bản thông báo về các nội dung cần sửa đổi, bổ sung mà cơ sở đề nghị không hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung của cơ sở đề nghị, Sở Y tế có thể tiến hành kiểm tra thực tế việc sửa đổi, bổ sung của cơ sở đề nghị (nếu cần) và có văn bản trả lời, nêu rõ lý do không cho phép áp dụng danh mục kỹ thuật đặc biệt nếu cơ sở đề nghị không hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung hoặc kết quả kiểm tra thực tế không đạt yêu cầu.

c) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc cơ sở y tế đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, Sở Y tế báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố Quyết định việc thực hiện thí điểm hay không thí điểm:

- Trường hợp không phải thực hiện thí điểm: Sở Y tế trình Chủ tịch UBND Thành phố ban hành văn bản cho phép thực hiện danh mục kỹ thuật đặc biệt.

- Trường hợp phải thực hiện thí điểm:

+ *Sau khi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã kết thúc triển khai thí điểm kỹ thuật loại đặc biệt phải gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện thí điểm trong đó đề xuất việc triển khai chính thức kỹ thuật loại đặc biệt kèm theo quy trình thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt về Sở Y tế.*

+ *Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Y tế tổ chức thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất;*

+ *Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật, Sở Y tế trình Chủ tịch UBND Thành phố ban hành văn bản quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được triển khai áp dụng chính thức kỹ thuật loại đặc biệt. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.*

2.5.2. Trường hợp 2: Trường hợp điều chỉnh Giấy phép hoạt động mà không phải tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở, Sở Y tế kiểm tra đánh giá mức độ, khả năng thực hiện các kỹ thuật loại đặc biệt của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Quyết định việc thực hiện thí điểm hay không thí điểm.

a) Trường hợp không phải thực hiện thí điểm: Sở Y tế trình Chủ tịch UBND Thành phố ban hành văn bản cho phép thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật đặc biệt trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ.

b) Trường hợp phải thực hiện thí điểm:

- Sau khi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã kết thúc triển khai thí điểm kỹ thuật loại đặc biệt phải gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện thí điểm trong đó đề xuất việc triển khai chính thức kỹ thuật loại đặc biệt kèm theo quy trình thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt về Sở Y tế.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Y tế tổ chức thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật, Sở Y tế trình Chủ tịch UBND Thành phố ban hành văn bản quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được triển khai áp dụng chính thức kỹ thuật loại đặc biệt. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

2.6. Cơ quan giải quyết: Sở Y tế thành phố Hà Nội thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội xem xét, quyết định.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt

2.8. Phí, lệ phí: Phí (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC):

- Bệnh viện: 10.500.000 đồng/hồ sơ
- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ
- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ
- Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ
- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ

2.9. Mẫu đơn, tờ khai (nếu có):

- Đơn theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

- Giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

- Bản kê khai cơ sở vật chất, danh mục thiết bị y tế, danh sách nhân sự đáp ứng điều kiện cấp giấy phép hoạt động tương ứng với từng hình thức tổ chức theo Mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và các giấy tờ chứng minh, xác nhận các kê khai đó;

- Danh sách người hành nghề đăng ký hành nghề tại cơ sở theo Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;

- Văn bản phê duyệt quy định về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của bệnh viện của nhà nước hoặc điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện tư nhân theo Mẫu 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 49 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 40 đến Điều 58 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;
- Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia;
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Thông tư số 23/2024/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 18/10/2024 ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;
- Thông tư số 50/2014/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 26/12/2014 quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;
- Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.

Mẫu 02 - Đơn đề nghị cấp/điều chỉnh/cấp lại giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹, ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

.....²

Kính gửi:.....³

Tên cơ sở đề nghị:

Địa chỉ:⁴

Điện thoại:Số Fax: Email (nếu có):

Trường hợp đề nghị:⁵

Hình thức tổ chức đề nghị cấp phép:

Thời gian làm việc hằng ngày:

Hồ sơ gửi kèm theo đơn này gồm các giấy tờ sau đây:⁶

(1)

(2)

(3)

.....

.....

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét và cấp giấy phép hoạt động.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ⁷

¹ Địa danh.

² Ghi rõ thủ tục: cấp mới, điều chỉnh, cấp lại giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh chữa bệnh.

³ Tên cơ quan cấp giấy phép hoạt động.

⁴ Địa chỉ cụ thể của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

⁵ Ghi rõ cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động với từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Nghị định số...../2023/NĐ-CP.

⁶ Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số/2023/NĐ-CP.

⁷ Người đứng đầu hoặc người được người đứng đầu ủy quyền ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu.

Mẫu 11 - Giấy xác nhận quá trình hành nghề

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ SỞ KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH HÀNH NGHỀ

.....².....xác nhận:

Ông/bà:

Ngày, tháng, năm sinh:

Địa chỉ cư trú:.....

Số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân/số căn cước/số định danh cá nhân/số hộ chiếu³:

Ngày cấpNơi cấp:

Văn bằng chuyên môn:.....⁴.....Năm tốt nghiệp:.....

Số giấy phép hành nghề:

Đã hành nghề với phạm vi⁵..... tại...⁶...đạt kết quả như sau:

1. Thời gian hành nghề:⁷

2. Năng lực chuyên môn:⁸

3. Đạo đức nghề nghiệp:⁹

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH¹⁰**

¹ Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

² Tên cơ sở khám bệnh chữa bệnh.

³ Ghi một trong năm thông tin về số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân/số căn cước/số định danh cá nhân/số hộ chiếu còn hạn sử dụng.

⁴ Ghi rõ văn bằng, chuyên môn theo văn bằng đào tạo.

⁵ Ghi rõ phạm vi hành nghề.

⁶ Ghi rõ bộ phận chuyên môn của người hành nghề.

⁷ Ghi rõ từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm.

⁸ Nhận xét cụ thể về khả năng thực hiện khám bệnh, chữa bệnh theo chuyên khoa đăng ký hành nghề.

⁹ Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người đăng ký hành nghề đối với đồng nghiệp và người bệnh.

¹⁰ Người đứng đầu hoặc người được người đứng đầu ủy quyền ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu.

Mẫu 08 - Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

BẢN KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT, DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ, TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:
2. Địa chỉ:
- Điện thoại: Số Fax: Email:
3. Quy mô: giường bệnh

II. TỔ CHỨC

1. Hình thức tổ chức:¹
2. Cơ cấu tổ chức:²

III. NHÂN SỰ

1. Danh sách trưởng khoa, phụ trách phòng, bộ phận chuyên môn:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Tên khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Vị trí, chức danh được bổ nhiệm
1						
2						
...						

2. Danh sách người hành nghề:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
1					
2					
...					

3. Danh sách người làm việc:

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí làm việc ³
1				
2				

...				
-----	--	--	--	--

IV. THIẾT BỊ Y TẾ

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
1								
2								
3								

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Tổng diện tích mặt bằng:
2. Diện tích xây dựng trung bình cho 01 giường bệnh (đối với bệnh viện):
3. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:
4. Bố trí các bộ phận chuyên môn (liệt kê cụ thể):
5. Các điều kiện vệ sinh môi trường:
 - a) Xử lý nước thải:
 - b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt:
6. An toàn bức xạ:
7. Hệ thống phụ trợ:
 - a) Phòng cháy chữa cháy:
 - b) Khí y tế:
 - c) Máy phát điện:
 - d) Thông tin liên lạc:
8. Cơ sở vật chất khác (nếu có):

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ¹

¹ Ghi cụ thể tên hình thức tổ chức theo quy định tại Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2023.

² Ghi rõ tên các khoa (khoa lâm sàng, khoa cận lâm sàng), phòng, bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

³ Ghi cụ thể chức danh, vị trí làm việc được phân công đảm nhiệm.

¹ Người đứng đầu hoặc người được người đứng đầu ủy quyền ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu.

Mẫu 01 - Danh sách đăng ký hành nghề

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:
2. Địa chỉ:
3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:¹
-
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ²	Vị trí chuyên môn ³	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) ⁴	Ghi chú ⁵
1							
2							
...							

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH⁶**

¹ Ghi rõ từ mấy giờ đến mấy giờ trong ngày và mấy ngày trong tuần.

² Ghi cụ thể thời gian làm việc từ mấy giờ đến mấy giờ trong ngày và mấy ngày trong tuần.

³ Ghi cụ thể chức danh, vị trí chuyên môn được phân công đảm nhiệm.

⁴ Ghi cụ thể thời gian làm việc từ mấy giờ đến mấy giờ trong ngày và mấy ngày trong tuần tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh khác.

⁵ Ghi thêm ngôn ngữ mà người hành nghề nước ngoài sử dụng trong KBCB (nếu có)

⁶ Người đứng đầu hoặc người được người đứng đầu ủy quyền ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu.

Mẫu 03 - Điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện tư nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹, ngày tháng ... năm

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý

Điều 2. Tên giao dịch, địa điểm hành nghề

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động chuyên môn

Điều 4. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của Bệnh viện

Chương II

MỤC TIÊU, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

Điều 5. Mục tiêu

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ

Điều 7. Phạm vi hoạt động chuyên môn

Chương III

QUY MÔ, TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

Điều 8. Quy mô bệnh viện

Điều 9. Cơ cấu tổ chức

1. Ban lãnh đạo.
2. Các Hội đồng trong bệnh viện.
3. Các phòng chức năng.
4. Các khoa, bộ phận chuyên môn.

Điều 10. Nhân sự

Điều 11. Nhiệm vụ quyền hạn Giám đốc, các Phó Giám đốc bệnh viện

Điều 12. Nhiệm vụ quyền hạn của các trưởng khoa, phòng bệnh viện

Điều 13. Mối quan hệ giữa các thành phần thuộc cơ cấu tổ chức

Điều 14. Quyền lợi của người lao động

Chương IV
TÀI CHÍNH CỦA BỆNH VIỆN

Điều 15. Vốn đầu tư ban đầu

Điều 16. Chế độ tài chính của bệnh viện

Điều 17. Quản lý tài sản, thiết bị

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ²

¹ Địa danh.

² Người đứng đầu hoặc người được người đứng đầu ủy quyền ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu.